

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2019
Dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số Cr.5139-VN ký ngày 13/9/2012 giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới cho Dự án “Quản lý thiên tai” (VN-Haz/WB5);

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-BNN-TCTL ngày 11/6/2012; Quyết định số 2169/QĐ-BNN-TCTL; Quyết định số 2256/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/10/2013; Quyết định số 2785/QĐ-BNN-TCTL ngày 15/7/2015; Quyết định số 2886/QĐ-BNN-TCTL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 18/3/2014, Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 13/11/2015, Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 27/7/2015, Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo Văn bản số 112/BKHĐT-TH ngày 05/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương hai năm 2019-2020 và năm 2019 là 17 tỷ đồng;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đối ứng ODA năm 2019;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 120/BC-SKHĐT ngày 13/3/2019 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 445/SNN-KH ngày 13/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2019, dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định, với nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định.
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Kế hoạch hoạt động năm 2019

a. Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Thanh toán các khối lượng đã thực hiện nhưng vẫn chưa hoàn thành giải ngân của Hợp phần 3 và chi phí quản lý dự án.

b. Hợp phần 4: Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một.

Trong năm 2019 thực hiện 05 gói thầu:

- Gói thầu số 6 (WB5/GW-BĐ/XL1): Xây dựng cống lấy nước, nhà quản lý và tràn xả lũ số 2, giá gói thầu 52.164 triệu đồng.

- Gói thầu số 8 (WB5/GW-BĐ/XL2): Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống quan trắc, giá gói thầu 3.142 triệu đồng, thi công hoàn thành trước 18/3/2019.

- Gói thầu số 9 (WB5/CS-BĐ/TV6): Giám sát thi công và môi trường, giá gói thầu 1.418 triệu đồng, thực hiện hoàn thành trước 18/3/2019.

- Gói thầu số 10 (WB5/CS-BĐ/TV7): Lập Kế hoạch ứng phó khẩn cấp lũ hạ du EPP, giá gói thầu 1.570 triệu đồng, thực hiện hoàn thành trước 18/3/2019.

- Gói thầu số 13 (WB5/CS-BĐ/TV9): Tư vấn kiểm toán.

4. Kế hoạch tài chính năm 2019: dự kiến kế hoạch giải ngân năm 2019 của Dự án như sau:

Tổng kinh phí: 18.280,008 triệu đồng (Mười tám tỷ, hai trăm tám mươi triệu, không trăm lẻ tám nghìn đồng). Trong đó:

- Vốn WB : 17.000,000 triệu đồng;
- Vốn đối ứng : 1.280,008 triệu đồng. Trong đó:
 - + Vốn ngân sách tỉnh : 1.000,000 triệu đồng;
 - + Vốn UBND TX An Nhơn : 82,000 triệu đồng.
 - + Vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 198,008 triệu đồng.

Phân bổ cho các Hợp phần như sau:

a. Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Tổng số: 870,180 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn WB : 578,180 triệu đồng;
- Vốn đối ứng : 292,000 triệu đồng.

b. Hợp phần 4: Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một

Tổng số: 17.409,828 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn WB : 16.421,820 triệu đồng;
- Vốn đối ứng : 988,008 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / . *7/1*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19. (M.10b) *1/1*



Trần Châu

PHỤ LỤC



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019
 (Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 18/3/2019
 của Ủy ban UBND tỉnh).

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Tổng số	Trong đó	
			Vốn ODA	Vốn đối ứng NS tỉnh, huyện
I	Hợp phần 3	870.180	578.180	292.000
1	Trả nợ khối lượng hoàn thành năm 2018 phi công trình	34.810	34.810	
2	Trả 5% bảo hành công trình Quy mô nhỏ năm 2018	543.370	543.370	
3	Trả nợ Tư vấn Giám sát công trình quy mô nhỏ	109.669		109.669
4	Thẩm tra, phê duyệt Quyết toán HP3	100.331		100.331
5	Chi phí quản lý dự án (bao gồm trả tiền phụ cấp nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã năm 2018)	82.000		82.000
II	Hợp phần 4	17.409.828	16.421.820	988.008
1	Thanh toán khối lượng Xây dựng công lấy nước, nhà quản lý và tràn xả lũ số 2	15.076.523	15.076.523	
2	Thanh toán cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống quan trắc	711.297	711.297	
3	Thanh toán Lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp lũ hạ du (EPP)	484.000	484.000	
4	Thanh toán Giám sát và môi trường	150.000	150.000	
5	Chi phí kiểm toán	490.000		490.000
6	Bồi thường GPMB đợt 2	198.008		198.008
7	Chi phí Quản lý dự án	300.000		300.000
Tổng số (I+II)		18.280.008	17.000.000	1.280.008

76

